CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 10/ĐK

PHẦN GHI CỦA NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ

Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng, thống nhất với giấy tờ xuất trình.

Vào sổ tiếp nhận hồ sơ số: ..... Quyển .....

Ngày ...../...../.....

Người nhận hồ sơ

(Ký và ghi rõ họ, tên)

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI, CẤP ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Kính gửi: .....

I. PHẦN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Xem kỹ hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên đơn)

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất

1.1. Tên *(viết chữ in hoa)*:

.....Nam/Nữ.....

CMND.....Năm sinh.....

1.2. Địa chỉ thường trú[(1)]:

.....

.....

2. Giấy chứng nhận đã cấp đề nghị được cấp lại, cấp đổi

2.1. Số vào sổ cấp GCN: .....; 2.2. Số phát hành GCN: .....;

2.3. Ngày cấp GCN ...../...../.....

3. Lý do đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận:

.....

.....

4. Thông tin thửa đất có thay đổi do đo đạc lại *(kê khai theo bản đồ địa chính mới)*

Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích (m^2)	Nội dung thay đổi khác

4.1. Thông tin thửa đất theo GCN đã cấp:	4.2. Thông tin thửa đất mới thay đổi:
- Thửa đất số: .....;	- Thửa đất số: .....;
- Tờ bản đồ số: .....;	- Tờ bản đồ số: .....;
- Diện tích: ..... m^2	- Diện tích: ..... m^2
-	- .....

5. Thông tin tài sản gắn liền với đất đã cấp GCN có thay đổi *(kê khai theo thông tin đã thay đổi - nếu có)*	
Loại tài sản	Nội dung thay đổi
5.1. Thông tin trên GCN đã cấp: - Loại tài sản: .....; - Diện tích XD (chiếm đất): ..... m^2; -	5.2. Thông tin có thay đổi: - Loại tài sản: .....; - Diện tích XD (chiếm đất): ..... m^2; - ....

Tôi xin cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày .... tháng ... năm .....
Người viết đơn
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

II. XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN
(Đối với trường hợp cấp đổi GCN do đo vẽ lại bản đồ địa chính)

Sự thay đổi đường ranh giới thửa đất kể từ khi cấp GCN đến nay: .....
.....
.....

Ngày ..... tháng ..... năm ..... **Công chức địa chính** *(Ký, ghi rõ họ, tên)*	*Ngày ..... tháng ..... năm .....* **TM. Ủy ban nhân dân** **Chủ tịch** *(Ký tên, đóng dấu)*

III. Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

.....
.....
(Nêu rõ kết quả kiểm tra hồ sơ và ý kiến đồng ý hay không đồng ý với đề nghị cấp đổi, cấp lại GCN; lý do).

Ngày ..... tháng ..... năm ..... **Người kiểm tra** *(Ký, ghi rõ họ, tên và chức vụ)*	*Ngày ..... tháng ..... năm .....* **Giám đốc** *(Ký tên, đóng dấu)*

(1) Kê khai theo đúng tên và địa chỉ như trên GCN đã cấp, trường hợp có thay đổi tên thì ghi cả thông tin trước và sau khi thay đổi và nộp giấy tờ chứng minh sự thay đổi kèm theo.

Mẫu số 01

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ NHÀ, ĐẤT

[01] Kỳ tính thuế: Theo từng lần phát sinh ☐
[02] Lần đầu ☐ [03] Bổ sung lần thứ ☐

[04] Tên người nộp thuế: .....
[05] Mã số thuế: .....
[06] Địa chỉ:.....
[07] Quận/huyện: ..... [08] Tỉnh/Thành phố: .....
[09] Điện thoại: ..... [10] Fax: ..... [11] Email: .....
[12] Đại lý thuế; hoặc Tổ chức, cá nhân được ủy quyền khai thay theo quy định của pháp luật (nếu có):.....
[13] Mã số thuế: .....
[14] Địa chỉ: .....
[15] Quận/huyện: ..... [16] Tỉnh/Thành phố: .....
[17] Điện thoại: ..... [18] Fax: ..... [19] Email: .....
[20] Hợp đồng đại lý thuế, số:.....ngày .....

ĐẶC ĐIỂM NHÀ ĐẤT:

1. Đất: .....

1.1. Địa chỉ thửa đất:.....

.....

1.2. Vị trí thửa đất (mặt tiền đường phố hay ngõ, hẻm):

1.3. Mục đích sử dụng đất: .....

1.4. Diện tích (m^2): .....

1.5. Nguồn gốc nhà đất: (đất được Nhà nước giao, cho thuê; đất nhận chuyển nhượng; nhận thừa kế, hoặc nhận tặng cho):

a) Tên tổ chức, cá nhân chuyển giao QSDĐ:

Địa chỉ người giao QSDĐ: .....

b) Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao QSDĐ ngày..... tháng..... năm.....

1.6. Giá trị đất thực tế chuyển giao (nếu có):

2. Nhà:

2.1. Cấp nhà:..... Loại nhà: .....

2.2. Diện tích nhà (m^2 sàn xây dựng): .....

2.3. Nguồn gốc nhà: .....

a) Tự xây dựng:

- Năm hoàn công (hoặc năm bắt đầu sử dụng nhà): .....

b) Mua, thừa kế, tặng cho:

- Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao nhà: Ngày ..... tháng ..... năm.....

2.4. Giá trị nhà (đồng):

3. Giá trị nhà, đất thực tế nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho (đồng):

.....

4. Tài sản thuộc diện được miễn lệ phí trước bạ (lý do):

.....

5. Giấy tờ có liên quan, gồm:

- .....
- .....

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:
Chứng chỉ hành nghề số:

....., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Hoặc **TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC ỦY QUYỀN KHAI THAY**
Họ và tên:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: **01/TK-SDDPNN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP
(Dùng cho hộ gia đình, cá nhân)

[01] Kỳ tính thuế: Năm .....
[02] lần đầu: ☐ [03] bổ sung lần thứ: ☐.

I/ PHẦN NGƯỜI NỘP THUẾ TỰ KHAI

1. Người nộp thuế [04] Họ và tên:
[05] Ngày tháng năm sinh: [06] Mã số thuế:
[07] Số CMND/hộ chiếu: [08] Ngày cấp: [09] Nơi cấp:
[10] Địa chỉ cư trú :
[10.1] Tổ/thôn: [10.2] Phường/xã/thị trấn:
[10.3] Quận/huyện: [10.4] Tỉnh/Thành phố:
[11] Địa chỉ nhận thông báo thuế: [11.1] Điện thoại:
[12] Số tài khoản-tại ngân hàng (nếu có):
2. Đại lý thuế (nếu có) [13] Tên tổ chức:
[14] Mã số thuế:
[15] Địa chỉ nhận thông báo thuế:
[15.1] Phường/xã/thị trấn:
[15.2] Quận/huyện: [15.3] Tỉnh/Thành phố:
[15.4] Điện thoại: Fax: Email:
[15.5] Hợp đồng đại lý thuế: Số hợp đồng : Ngày : .../.../.....
3. Thửa đất chịu thuế
[16] Địa chỉ:.... [17] Tổ/Thôn:
[18] Phường/xã/thị trấn: [19] Quận/huyện: [20] Tỉnh/Thành phố:
[21] Là thửa đất duy nhất: ☐ [22] Đăng ký kê khai tổng hợp tại (quận/huyện):
[23] Đã có giấy chứng nhận: ☐ Số giấy chứng nhận: [23.1] Ngày cấp:
[23.2] Thửa đất số: [23.3] Tờ bản đồ số:
[23.4] Diện tích đất phi nông nghiệp ghi trên GCN: [23.5] Mục đích sử dụng đất phi nông nghiệp (đất ở, đất sản xuất kinh doanh...):
[24] Tổng diện tích thực tế sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp:
[24.1] | Diện tích đất sử dụng đúng mục đích
[24.2] | Diện tích đất sử dụng sai mục đích /chưa sử dụng theo đúng quy định:
[24.3] Hạn mức (nếu có):
[24.4] | Diện tích đất lấn, chiếm:
[25] Chưa có giấy chứng nhận: ☐ [25.1] Diện tích:
[25.2] Mục đích đang sử dụng:
4. [26] Đối với đất ở nhà chung cư (tính trên diện tích sàn thực tế sử dụng):
[26.1] Loại nhà: [26.2] Diện tích: [26.3] Hệ số phân bổ:
5. [27] Trường hợp miễn, giảm thuế: (ghi rõ trường hợp thuộc diện được miễn, giảm thuế như: thương binh, gia đình thương binh liệt sỹ, đối tượng chính sách,...).....
6. Đăng ký nộp thuế:
☐ Nộp thuế một lần trong năm
☐ Nộp thuế theo 2 lần trong năm
☐ Nộp cho cả thời kỳ ổn định: năm: ....

.... ,Ngày .... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký tên, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

II/ PHẦN XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN CHỨC NĂNG

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

1. Người nộp thuế

[28] Họ và tên:

[29] Ngày tháng năm sinh: [30] Mã số thuế:

[31] Số CMND/hộ chiếu: [32] Ngày cấp: [33] Nơi cấp:

2. Thửa đất chịu thuế

[34] Địa chỉ: [35] Tổ/Thôn:

[36] Phường/xã/thị trấn: [37] Quận/huyện: [38] Tỉnh/Thành phố:

[39] Đã có giấy chứng nhận ☐ Số GCN: [39.1] Ngày cấp:

[39.2] Thửa đất số: [39.3] Tờ bản đồ số:

[39.4] Diện tích đất phi nông nghiệp ghi trên GCN: [39.5] Diện tích thực tế sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp:

[39.6] Mục đích sử dụng: [39.7] Hạn mức: *(Hạn mức tại thời điểm cấp GCN)*

[40] Chưa có giấy chứng nhận: ☐ [40.1] Diện tích:

[40.2] Mục đích đang sử dụng:

3. Trường hợp miễn, giảm thuế: [41] (ghi rõ trường hợp thuộc diện được miễn, giảm thuế như: thương binh, gia đình thương binh liệt sỹ, đối tượng chính sách ...)

4. Căn cứ tính thuế

[42] Diện tích đất thực tế sử dụng: [43] Hạn mức tính thuế:

[44] Thông tin xác định giá đất: [44.1] Loại đất:

[44.2] Tên đường/vùng:

[44.3] Đoạn đường/khu vực:

[44.4] Loại đường: [44.5] Vị trí/hạng:

[44.6] Giá đất: [44.7] Hệ số (đường/hẻm):

[44.8] Giá 1 m^2 đất *(Giá đất theo mục đích sử dụng)*:

5. Diện tích đất tính thuế

5.1. Đất ở (*Tính cho đất ở, bao gồm cả trường hợp sử dụng đất ở để kinh doanh)*

Tính trên diện tích có quyền sử dụng:

[45] Diện tích trong hạn mức *(thuế suất: 0,03%)*	[46] Diện tích vượt không quá 3 lần hạn mức *(thuế suất: 0,07%)*	[47] Diện tích vượt trên 3 lần hạn mức *(thuế suất 0,15%)*
...	...	...

5.2. Đất ở nhà chung cư (tính trên diện tích sàn thực tế sử dụng):

[48] Diện tích: [49] Hệ số phân bổ:

5.3. [50] Diện tích đất sản xuất kinh doanh – Tính trên diện tích sử dụng đúng mục đích:

5.4. Đất sử dụng không đúng mục đích hoặc chưa sử dụng theo đúng quy định:

[51] Diện tích : .....[52] Mục đích thực tế đang sử dụng: .....

[53] Hệ số phân bổ *(đối với nhà chung cư)*:

5.5. Đất lấn chiếm

[54] Diện tích : ..... [55] Mục đích thực tế đang sử dụng: .....

[56] Hệ số phân bổ *(đối với nhà chung cư)*:

Ngày .... tháng..... năm.....
Cán bộ địa chính xã /phường
(Ký tên , ghi rõ họ tên)

Ngày .... tháng..... năm.....
CHỦ TỊCH UBND XÃ /PHƯỜNG
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)